Số: 67/QĐ-UBND
Thời gian ký: 08/01/2024 08:57:01 +07:00

Biểu số 88/CK-NSNN

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ									
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
									CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG, LÂM, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
a	b	1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	**424.300**	**285.749**	**240**	**0**	**2.286**	**10.404**	**30.707**	**0**	**0**	**48.048**	**37.357**
1	Huyện ủy	11.296	-	-		-	-	-			11.296	-
2	Trung tâm Chính trị huyện	1.610	1.610	-		-	-	-			-	-
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện	6.846	-	-		-	-	195			6.651	-
4	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.240	-	-		-	-	-			1.215	25
5	Phòng Tư Pháp	649	-	-		-	-	-			649	-
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7.772	-	-		-	-	6.800			972	-
7	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	1.488	-	-		-	-	-			1.488	-
8	Phòng Nội Vụ	2.111	-	-		-	-	-			2.111	-
9	Phòng Lao động - Thương binh và Xã Hội	35.914	270	-		-	-	-			1.092	34.552
10	Thanh Tra huyện	1.148	-	-		-	-	-			1.148	-
11	Phòng Tài Nguyên và Môi trường	7.485	-	-		-	6.404	-			1.081	-
12	Phòng Y Tế	465	-	-		-	-	-			465	-
13	Phòng Văn Hóa và Thông tin	705	-	-		-	-	-			705	-
14	Phòng Giáo Dục và Đào tào	261.231	260.440	-		-	-	-			791	-
15	Chi sửa chữa, nâng cấp trường lớp học, mua sắm trang thiết bị học tập	18.840	18.840	-		-	-	-			-	-
16	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	3.589	3.589	-		-	-	-			-	-

a	b	1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13
17	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	1.815	-	-		-	-	-			1.815	-
18	Huyện Đoàn	885	-	-		-	-	-			885	-
19	Hội liên hiệp Phụ Nữ huyện	945	-	-		-	-	-			945	-
20	Hội Nông Dân huyện	978	-	-		-	-	-			978	-
21	Hội Cựu Chiến Binh huyện	477	-	-		-	-	-			477	-
22	Kinh phí giao nhiệm vụ các Hội đặc thù	-										-
	Hội Chữ Thập Đỏ huyện	360	-	-		-	-	-			-	360
	Hội Luật Gia huyện	96	-	-		-	-	-			96	-
	Ban liên lạc Tù Chính trị huyện	66	-	-		-	-	-			66	-
	Hội Khuyến Học huyện	66	-	-		-	-	-			66	-
	Hội Người cao tuổi	66	-	-		-	-	-			66	-
	Hội Nạn nhân chất độc da cam	66	-	-		-	-	-			66	-
	Hội Thanh niên xung phong	29	-	-		-	-	-			29	-
23	Mua sắm TTB phụ vụ công tác số hóa cải cách thủ tục hành chính và tiền lương biên chế chưa có mặt	12.895	-	-		-	-	-			12.895	-
24	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.228	-	-		-	-	2.228			-	-
25	Chi sự nghiệp đào tạo	1.000	1.000	-		-	-	-			-	-
26	Trung Tâm VH-TT- TT	2.286	-	-		2.286	-	-			-	-
	- Văn hoá Thông tin	1.021	-	-		1.021	-	-			-	-
	- Thể Dục Thể thao	545	-	-		545	-	-			-	-
	- Đài Truyền Thanh-Truyền hình	720	-	-		720	-	-			-	-
27	Ban Quản lý Rừng phòng hộ	1.359	-	-		-	-	1.359			-	-
28	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	-	-	-		-	-				-	-
29	Kinh phí cấp bù thuỷ lợi phí	6.225	-	-		-	-	6.225			-	-
30	Chi sự nghiệp kinh tế khác	10.000	-	-		-	-	10.000			-	-
31	Sự nghiệp giao thông	500	-	-		-	-	500			-	-
32	Sự nghiệp khoa học công nghệ	240	-	240		-	-	-			-	-
33	Chi sự nghiệp môi trường, thực hiện đề án rác thải rắn	2.000	-	-		-	2.000	-			-	-
34	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.420	-	-		-	-	-			-	2.420
35	BQL cấp và Thoát nước	5.400					2.000	3.400				
36	Chi khác ngân sách	9.509	-	-		-	-	-				-